

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIA
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 13-02-2025

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hoàng Thị Hằng.
- Ông Hoàng Ngọc Quý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hà Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Chu Xuân Hải- Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 24 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1998.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Vi Văn Đ, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Vi Văn Đ được tự do tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương; đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện B ngày 05/9/2016. Thời gian đầu chung sống đoàn tụ, hạnh phúc. Tuy nhiên, sau khi chung sống được hơn 6 năm không mang lại hạnh phúc gia đình (vì không có con chung) nên tình cảm vợ chồng bắt đầu nhạt dần và mâu thuẫn vợ chồng cũng phát sinh từ đó, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nhiều hơn. Từ đầu năm 2022 chị Hoàng Thị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại thôn B, xã B, huyện B và sống ly thân với anh Vi Văn Đ từ đó đến nay. Nay chị Hoàng Thị T không còn tình cảm với anh Vi Văn Đ, mục đích hôn nhân của vợ chồng không đạt được, chị Hoàng Thị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Vi Văn Đ.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về phía bị đơn, anh Vi Văn Đ không đến Tòa án tham gia tố tụng. Do đó, không có văn bản trình bày quan điểm trong hồ sơ vụ án. Tòa án đã tiến hành xác minh với đại diện thôn B, xã H, huyện B cho biết anh Vi Văn Đ và chị Hoàng Thị T sinh sống cùng bố mẹ tại thôn B, xã H, huyện B. Hai vợ chồng đi làm công ty ít khi về nhà. Đến năm 2022 chị Hoàng Thị T bỏ về nhà ngoại và sống ly thân với anh Vi Văn Đ từ đó đến nay. Còn anh Vi Văn Đ vẫn có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã H và thường xuyên có mặt tại địa phương.

Đại diện gia đình là bà Lý Thị Í – mẹ đẻ anh Vi Văn Đ cho biết việc kết hôn giữa anh Vi Văn Đ và chị Hoàng Thị T hoàn toàn tự nguyện vào năm 2016. Sau khi kết hôn hai vợ chồng đi làm công ty, thi thoảng mới về nhà. Quá trình sinh sống hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn hay không thì bà không biết. Từ năm 2022, hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mỗi người làm một công ty, chị Hoàng Thị T cũng không còn về nhà chồng nữa và sống ly thân từ đó đến nay. Anh Vi Văn Đ và chị Hoàng Thị T không có con chung, không có tài sản chung do vẫn sinh sống cùng bố mẹ, không có nợ chung. Bà không có ý kiến gì về việc ly hôn giữa hai con. Các giấy tờ Tòa án triệu tập đều được gia đình thông báo cho anh Vi Văn Đ được biết. Tuy nhiên anh Vi Văn Đ đi làm ăn xa không về được.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn anh Vi Văn Đ không đến Tòa án tham gia trong quá trình tố tụng và nguyên đơn chị Hoàng Thị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chị Hoàng Thị T đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự như thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình, có đơn xin giải quyết vắng mặt. Còn bị đơn anh Vi Văn Đ vắng mặt không có lý do trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện là chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Vi Văn Đ. Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc nguyên đơn chị Hoàng Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Hoàng Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là “Ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Vi Văn Đ có chỗ ở tại thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, hoãn phiên tòa lần 1 theo quy định pháp luật. Nguyên đơn chị Hoàng Thị T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Vi Văn Đ triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Vi Văn Đ là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Hoàng Thị T và anh Vi Văn Đ là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B nên quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị T và anh Vi Văn Đ là hợp pháp. Lời khai của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện do hai vợ chồng không có con chung nên phát sinh mâu thuẫn và chị Hoàng Thị T bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống và ly thân từ năm 2022 đến nay. Như vậy, các đương sự đã có thời gian sống ly thân đã lâu, không ai quan tâm chăm sóc ai. Có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Hoàng Thị T và anh Vi Văn Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được. Vì vậy, chị Hoàng Thị T yêu cầu ly hôn với anh Vi Văn Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Hoàng Thị T trình bày là không có. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Vi Văn Đ vắng mặt không có ý kiến gì. Để đảm bảo quyền lợi ích của đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Hoàng Thị T là phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Vi Văn Đ.
2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.
3. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung Ngân sách nhà nước. Xác nhận chị Hoàng Thị T đã nộp đủ tiền án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003534 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.
4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Hoàng Thị T, bị đơn anh Vi Văn Đ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Hồng Thái, huyện Bình Gia;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Thị Hiệt